

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư
Dự án: Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án TP.Quy Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định 1571/QĐ-CTN ngày 30/12/2022 của Chủ tịch nước về việc sửa đổi các Hiệp định tài trợ cho dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số 6027-VN và Hiệp định vay số 8745-VN ký ngày 27/10/2017 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) và Ngân hàng Tái thiết & Phát triển quốc tế (IBRD);

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” do WB tài trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 và Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ Thư ngày 30/12/2022 của Ngân hàng Thế giới về việc gia hạn ngày đóng khoản trong Hiệp định, hủy vốn của Khoản vay và khoản tín dụng, và sửa đổi Hiệp định vay;

Căn cứ Thư sửa đổi Hiệp định đã được ký đối ứng ngày 02/3/2023 giữa Bộ Tài Chính và Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Văn bản số 181/QLN-DADP ngày 03/02/2023 của Cục quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại thuộc Bộ Tài chính về việc sử dụng vốn thanh toán các hợp đồng tư vấn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải, vay vốn WB;

Theo đề nghị của Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 326/TTr-BQLDA ngày 17/3/2023; Báo cáo thẩm định, trình duyệt của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 156/BC-SKHĐT ngày 24/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn như sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung: Điều chỉnh, bổ sung kinh phí, nguồn vốn đầu tư theo nội dung của Thư sửa đổi Hiệp định ký ngày 02/3/2023, cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn IDA:

- Điều chỉnh tăng 179.797 USD tại mục “Tuyến cống Hóc Bà Bép và Tuyến đường Trần Hưng Đạo” trong Hợp phần 1.

- Điều chỉnh tăng 34.623 USD tại mục “Thiết bị vận hành & bảo dưỡng và hệ thống SCADA” trong Hợp phần 1.

- Điều chỉnh tăng 98.594 USD tại mục “Bãi chôn lấp Long Mỹ” trong Hợp phần 1.

- Điều chỉnh giảm 313.014 USD tại mục “Tư vấn thiết kế, giám sát và hỗ trợ dự án Hợp phần 1” trong Hợp phần 1.

b) Nguồn vốn đối ứng:

- Điều chỉnh tăng 234.054 USD tại mục “Tur vắn thiết kế, giám sát và hỗ trợ dự án Hợp phần 1” trong Hợp phần 1.

- Điều chỉnh giảm 19.432 USD tại mục “Đền bù và giải phóng mặt bằng” trong Hợp phần 3.

- Điều chỉnh giảm 504.077 USD tại mục “Chuẩn bị SF/TKBVTC/HSMT” trong Hợp phần 4.

- Điều chỉnh giảm 85.524 USD tại mục “Chi phí quản lý dự án” trong Hợp phần 4.

- Điều chỉnh giảm 4.215 USD tại mục “Chi phí thẩm tra, thẩm định, lập HSMT và đánh giá HSDT, đo vẽ bản đồ và rà phá bom mìn” trong Hợp phần 4.

- Điều chỉnh giảm 18.582 USD tại mục “Chi phí khác” trong Hợp phần 4.

- Điều chỉnh giảm 11.665 USD tại mục chi phí “Dự phòng” và tăng 409.440 USD tại mục chi phí “Thuế VAT 10%” do thay đổi chi phí các hạng mục công việc nêu trên.

2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung: 33.236.059 USD (Ba mươi ba triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm năm mươi chín đô la Mỹ), không thay đổi tổng mức đầu tư của dự án đã phê duyệt tại Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh.

Trong đó:

ĐVT: USD

TT	Nội dung	Nguồn vốn	TMĐT phê duyệt tại QĐ số 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch Tăng (+)/ Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	IDA	24.124.250	24.124.250	0
		CF		234.054	234.054
2	Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị	IBRD	2.280.267	2.280.267	0
3	Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng	CF	560.366	540.934	-19.432
4	Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích	CF	1.644.829	1.032.432	-612.397
5	Dự phòng trượt giá 10%, phát sinh khối lượng 10%	IDA - IBRD - CF	1.242.473	1.230.808	-11.665
6	Thuế VAT (10%)		2.820.909	3.230.349	409.440

7	Chi phí lãi vay và phí vay	IBRD	562.965	562.965	0
	Tổng cộng (1+...+7)		33.236.059	33.236.059	0

Điều 2. Giao Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin báo cáo của dự án vào Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và yêu cầu của Nhà tài trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016, số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 và số 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K1, K17, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng